TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 11- 8-2020
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng không tham gia phiên tòa:

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 212/2020/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lại Thị Hồng S; Sinh năm: 1989
Trú tại: thôn Đă, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- Bị đơn: ông Lê Văn Đ; Sinh năm: 1981
Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lại Thị Hồng S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà S và ông Lê Văn Đ tự nguyện chung sống năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu bà S và ông Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, hai bên thường xuyên cải nhau. Nguyên nhân mẫu thuẫn do áp lực về kinh tế nên thường xuyên cải nhau. Bà S đi làm xa về nhà thăm con nhưng ông Đ không cho. Bà S nhận thấy mẫu thuẫn gia đình bà ngày càng trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được.Từ tháng 5 năm 2020 bà và ông Đ sống ly thân. Trong năm 2019 bà S đã làm đơn yêu cầu Tòa án huyện B giải quyết ly hôn nhưng sau đó bà rút đơn để quay về đoàn tụ nhưng sau đó mâu thuẫn không thể hàn gắn. Hiện nay bà S không thể tiếp tục chung sống nên bà S làm đơn yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: có 02 cháu gồm Lê Minh D; sinh ngày: 08/10/2007 và cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 09/02/2011. Bà S có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Ngọc D, giao cháu D cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Bà S không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên theo nội dung trong bản tự khai ông Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông Đ đồng ý với lời trình bày của bà S về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 giữa ông và bà S xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cải nhau. Bà S yêu cầu ly hôn, ông Đ đồng ý.

Về con chung: có 02 cháu gồm Lê Minh D; sinh ngày: 08/10/2007 và cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 09/02/2011. Ông Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 cháu.

Về cấp dưỡng: ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Lại Thị Hồng S và ông Lê Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 26/3/2007 đã được bà S giao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lại Thị Hồng S và ông Lê Văn Đ là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Bà S và ông Đ đều khai thống nhất thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 giữa bà S và ông Đ phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau về chuyện kinh tế. Vì vậy từ đầu năm 2019 đến nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn hòa hợp và bà S và ông Đ đã sống ly thân từ đầu năm 2020 liên tục đến nay. Trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, kinh tế độc lập, không quan tâm gì đến nhau. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà S và ông Đ có mâu thuẫn xảy ra và mâu thuẫn giữa ông bà là trầm trọng. Mặt khác, có đủ cơ sở bà S và ông Đ vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà S có nguyện vọng ly hôn, ông Đ cũng có nguyện vọng ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: có 02 cháu gồm Lê Minh Dương; sinh ngày: 08/10/2007 và cháu Lê Ngọc Diệp, sinh ngày 09/02/2011

Ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 09/02/2011 và cháu Lê Minh D; sinh ngày: 08/10/2007. Tại phiên tòa, bà S đồng ý giao 02 cháu cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc giao 02 con chung cho ông Đ nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị Hồng S về việc ly hôn. Bà Lại Thị Hồng S được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

[2]. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 09/02/2011 và cháu Lê Minh D; sinh ngày: 08/10/2007 cho ông Lê Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc đến khi các đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết,

[3]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà Lại Thị Hồng S phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0010353 ngày 28/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Điểu Thị Hạnh